

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2022
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Ngọc Phương

Ông Nguyễn Hoàng Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 425/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thái Xuân Tr, sinh năm 1982, nơi thường trú: Ấp Đ, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

Bị đơn: Bà Võ Thị Gi, sinh năm 1979; nơi thường trú: Số 365/3 ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre; nơi tạm trú: Số 78/5, tổ 4, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Thái Xuân Tr trình bày:

Ông Thái Xuân Tr và bà Võ Thị Gi tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62, ngày 04/9/2019.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi

vã, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Tr và bà Gi đã sống ly thân và không còn sống chung một nhà từ năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên trong thời gian sống ly thân cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Gi vẫn không thay đổi. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trang khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Gi.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 7 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Gi trình bày: Bà thống nhất về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung, bà xác định mâu thuẫn chính của vợ chồng là do ông Tr đã có người phụ nữ khác, vợ chồng nghi ngờ sự chung thủy của nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà xác định còn tình cảm với ông Tr nên bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu ly hôn của ông Tr. Trường hợp ông Tr vẫn yêu cầu ly hôn thì bà yêu cầu ông Tr phải bồi thường cho bà số tiền 50.000.000 đồng thì bà mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ông Thái Xuân Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Võ Thị Gi đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Giang vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr được ly hôn với bà Gi; về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng:

Ông Thái Xuân Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Gi nên quan hệ tranh chấp trong vụ án trên là ly hôn; bà Gi có đăng ký tạm trú và đang ở tại số 78/5, tổ 4, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Võ Thị Gi theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Gi vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bà Gi trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr và bà Gi kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Gi. Bà Gi cho rằng mặc dù bà và ông Tr đã sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo nhưng bà vẫn còn tình cảm với ông Tr, nên bà không đồng ý ly hôn. Trường hợp ông Tr vẫn yêu cầu ly hôn thì bà yêu cầu ông Tr phải bồi thường cho bà số tiền 50.000.000 đồng thì bà đồng ý ly hôn. Tòa án có cho bà thời hạn để làm đơn yêu cầu trên nhưng bà không thực hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa ông Tr và bà Gi chính quyền địa phương không nhận thấy mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, ông Tr đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Gi từ tháng 4 năm 2022 đến nay vợ chồng vẫn không đoàn tụ được, vợ chồng vẫn sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, như vậy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau. Do đó, việc bà Gi cho rằng bà không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với ông Tr và nếu ông Tr muốn ly hôn phải bồi thường cho bà số tiền 50.000.000 đồng thì bà mới đồng ý ly hôn là không có căn cứ.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa ông Tr và bà Gi đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông Tr yêu cầu được ly hôn với bà Gi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Tr và bà Gi chưa có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Xuân Tr đối với bị đơn bà Võ Thị Gi về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Xuân Tr được ly hôn với bà Võ Thị Gi.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Thái Xuân Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002483 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ

